

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Sang và bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh ngày 04/10/1993; số căn cước: 030193xxx; địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện T1, tỉnh Hải Dương (nay là thôn N, xã T1, thành phố Hải Phòng). (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh ngày 03/12/1993; số căn cước: 030093xxx; địa chỉ: Thôn N, xã T1, thành phố Hải Phòng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn (chị Vũ Thị T) trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn K được tự do tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng và tự nguyện cùng nhau đi đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q, huyện T1, tỉnh Hải Dương (nay là xã T1, thành phố Hải Phòng) tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/10/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng không hoà thuận, hạnh phúc, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, anh K thường xuyên đánh đập chị. Ngày 16/3/2025, anh K đánh đuổi chị ra khỏi nhà, không cho chị đưa con đi cùng, chị đã phải về nhà bố mẹ đẻ của chị ở từ đó đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Vợ chồng có một con là Nguyễn Phương A, sinh ngày 05/4/2024; hiện cháu đang ở cùng với anh K do ngày 16/3/2025 anh K đánh đuổi chị ra khỏi nhà không cho chị đưa con đi cùng nên chị không được nuôi con. Nay chị xác định, con chị vẫn còn nhỏ dưới 3 tuổi nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con và yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng là 3 triệu đồng/tháng. Hiện chị đang làm việc tại phòng khám đa khoa KTC (kỹ thuật cao), chị có mức thu nhập ổn định khoảng 7 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn (anh Nguyễn Văn K) trình bày: Anh xác định anh và chị Vũ Thị T được tự do tìm hiểu nhau khoảng 6 tháng và tự nguyện kết hôn tại UBND xã như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và chung sống tại gia đình anh. Trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhỏ. Nay anh xét thấy vẫn còn tình cảm với chị và đề nghị Tòa án hoà giải cho vợ chồng anh về với nhau.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có một con là Nguyễn Phương A, sinh ngày 05/4/2024; hiện cháu đang ở cùng với anh. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi con và yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng là 3 triệu đồng/tháng. Hiện anh đang làm công nhân tại Công ty TNHH gỗ HD, anh có mức thu nhập ổn định khoảng 7 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo địa phương cung cấp: Anh Nguyễn Văn K, chị Vũ Thị T là công dân địa phương, anh chị kết hôn và sinh sống tại địa phương. Trong cuộc sống hôn nhân anh chị có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng có xô xát, đánh nhau, anh chị đã sống ly thân, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh chị có một con là cháu Nguyễn Phương A hiện đang ở với anh K. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên toà, chị T xác định vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề kinh tế và anh K có hành vi bạo lực với chị, chị thực sự không còn tình cảm với anh K nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được ly hôn anh K. Hiện con của chị còn nhỏ mới hơn 01 tuổi chưa đủ 03 tuổi theo luật thì chị được quyền ưu tiên nuôi nên chị đề nghị được nuôi con và chị xác định chi phí cho việc nuôi dưỡng con của anh chị hết khoảng 6 triệu đồng/tháng nên chị yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng là 3 triệu đồng/tháng.

Anh K xác định có sự việc vợ chồng mâu thuẫn, anh có đánh chị một vài lần và đã đánh đuổi chị đi như chị trình bày, anh đã đến nói chuyện với gia đình nhà chị một lần nhưng chị không về chung sống với anh nên không tìm nữa và đến nay anh không có tác động gì thêm. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị nên anh không nhất trí ly hôn. Anh xác định có đủ điều kiện để nuôi con nên anh đề nghị được nuôi con, anh xác định chi phí cho việc nuôi dưỡng con anh hết khoảng 6 triệu đồng/tháng nên anh yêu cầu chị T phải cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng là 3 triệu đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Hải Dương (nay là Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng) thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T, cho chị T ly hôn anh Nguyễn Văn K. Về con chung: Giao con là Nguyễn Phương A, sinh ngày 05/4/2024 cho chị Vũ Thị T chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; chấp nhận yêu cầu về việc cấp dưỡng cho con của chị Vũ Thị T, buộc anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng là 3 triệu đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Không. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí sơ thẩm, anh Nguyễn Văn K phải chịu án phí về việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Vũ Thị T khởi kiện ly hôn bị đơn anh Nguyễn Văn K, trú tại thôn N, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là thôn N, xã T1, thành phố Hải Phòng), Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phù hợp với khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T1, tỉnh Hải Dương (nay là xã T1, thành phố Hải Phòng) vào ngày 06/10/2021 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T xác định vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hoà thuận, hạnh phúc, không có sự tôn trọng nhau, anh K thường xuyên đánh đập chị và đã đánh đuổi chị ra khỏi nhà, chị đã phải về nhà bố mẹ đẻ của chị ở từ tháng 3 năm 2025 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn anh K. Anh K xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn anh cũng có đánh chị một số lần và đánh đuổi chị về như chị trình bày, hiện vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau nhưng anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị nên anh không đồng ý ly hôn. Như vậy, anh K có hành vi bạo lực gia đình quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; vợ chồng không quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, đã sống ly thân, không còn tình nghĩa vợ chồng, lại còn xúc phạm, gây tổn hại đến sức khỏe của nhau làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung giữa hai anh chị đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu

cầu của chị T, cho chị được ly hôn anh K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh K có một con là Nguyễn Phương A, sinh ngày 05/4/2024; hiện nay con đang sống cùng với anh K do anh K đánh đuổi chị T không cho chị mang theo con. Cả hai anh chị đều xác định có mức thu nhập ổn định khoảng 7 triệu đồng/tháng, có đủ điều kiện nuôi con và đều đề nghị được nuôi con. HĐXX xét thấy cả hai anh chị đều có thu nhập cũng như điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nguyện vọng muốn nuôi con của cả hai anh chị đều là chính đáng, tuy nhiên cháu Nguyễn Phương A mới được 17 tháng tuổi (dưới 36 tháng tuổi), cần sự chăm sóc của người mẹ hơn nên cần giao cháu cho chị T trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng cho con, cả hai anh chị đều xác định mức chi phí cho việc nuôi dưỡng con của anh chị là khoảng 6 triệu đồng/tháng và đều có yêu cầu cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng là 3 triệu đồng/tháng. HĐXX thấy anh K có mức thu nhập bình quân cụ thể $= (8.353.000 + 6.164.000 + 10.595.000)/3 = 8.370.000$ đồng/tháng, căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh K và nhu cầu thiết yếu của cháu Nguyễn Phương A, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cháu, HĐXX cần buộc anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng trên tháng) là phù hợp với mức lương tối thiểu vùng hiện nay theo Nghị định 74/2024/NĐ-CP và phù hợp với quy định tại các điều 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh chị đều không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Vũ Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. Về nuôi con: Giao con là Nguyễn Phương A, sinh ngày 05/4/2024 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng hằng tháng cho con với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng trên tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2025 đến khi con Nguyễn Phương A đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Vũ Thị T yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn K chậm thi hành số tiền cấp dưỡng trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/24 số 0002288 ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Hải Dương (nay là Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng); chị Vũ Thị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí. Anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- UBND xã T1, TP Hải Phòng (nơi đăng ký kết hôn)
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Đình Thi